

베트남과 공동으로 생물자원 확보에 나서

원장실
정혁 2011.4.

연구개요 · 한·베트남 공동 식물자원 확보 및 활용사업을 통하여 의약 및 첨단 생명공학산업에 활용성이 기대되는 150종의 식물을 선정하여 『베트남의 유용식물, 영문: Useful Flowering Plants in Vietnam』을 발간함.

개발내용 · 베트남에서 확보된 주요 식물자원 150종을 선정하여 식물 사진, 증거표본, 분포, 정확한 학명과 함께 식물효능을 기록하여 한-베트남으로 발간함.

· 베트남 현지의 식물전문가 뿐만 아니라 식물에 관심이 있는 베트남 사람들이 식물을 쉽게 찾아볼 수 있는 참고자료로서 널리 활용할 수 있도록 구성함으로써 한-베트남 공동연구의 기초를 충실히 다지는 학술적 토대를 마련함.

· 국가간 상호협력을 통한 생물자원 기초연구, 생물다양성을 이해하고 가치 있는 자원을 확보하기 위한 매우 중요한 작업으로 베트남의 식물자원 확보 및 공동활용 연구를 지속적으로 추진할 예정이다.

활용사례/효과 · 양국가간의 공동연구협력뿐만 아니라 생물다양성 분야의 연구자료로 국가간의 공동자원개발을 위한 초석이 될 것이며, 장기적이고 안정적인 생물소재의 확보 및 유전자원의 전략적 고부가가치 산업창출에 기여할 것으로 기대됨.

1. *Abelmoschus moschatus* Medik. Vông vang, Hoàng quý, Búp vang, Bông vang, Lã.

Family: Malvaceae
Local Name: Vông vang, Hoàng quý, Búp vang, Bông vang, Lã.

Distribution: China, India and South East Asia, Vietnam (very common).

Habit: Herbs annual or perennial, 1-3.5 m tall. Stem branchless.

Leaves: Leaf blades very variable in form, usually palmately 3-5(-7)-lobed, lobes triangular to obovate, petioles 6-15.5 (20) cm long. Stipules bilobed-ovate, with hair head, deciduous.

Inflorescences: Flower solitary, axilar or clustered in terminal.

Flowers: Petiole 2-6 cm long. Sepals lobes 5-10, linear to narrowly oblong, 10-10.5 x 1.5-2 mm, calyx appressed, much longer than spathe, ca. 2-4 cm long, 5-parted at base, lobes 10-15.5 (20) in diam., yellow with dark purple to brown center; petals obovate. Staminal column ca. 2-2.5 cm long, glabrous. Ovary ovate, hairy.

Flowering: April to July.

Fruit: Capsule ovate, elliptic, oblong, ca. 5-8 x 3-4.5 cm, apex acute, undulating yellow to red. Seeds black, smooth, orbiform, 0.2-0.3 x 0.1-0.2 cm.

Harvest: July to October.



12 Useful Flowering Plants in Vietnam

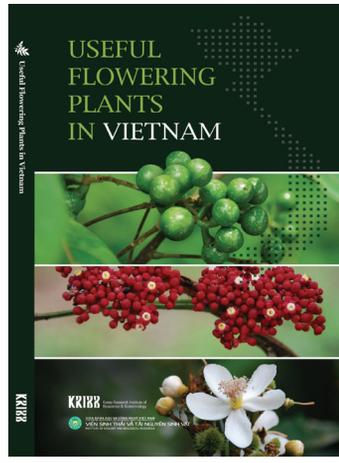


Abelmoschus moschatus Medik.

Vietnamese Description:
Cây hàng năm hay lâu năm, cao 1-3,5 m thân, cành có lông cứng mịn, lá hình trái bầu, có hình dạng và kích thước, ngắn hay dài, 3-5(7) thùy chia cu, thùy hình tam giác hay hình trứng ngược, cuống lá dài 6-15,5(20) cm, lá màu xanh sẫm, có lông cứng, trên mặt trên của lá màu tím đỏ hay xanh lục thẫm, dưới mặt lá màu trắng, hoa đường kính 1,5-2,5 cm, cuống hoa dài 2-4 cm. Đài phụ 5-10 lá dài 10-10,5 mm, đài chính 5-10 lá, dài 1,5-2 mm, đài chính có 5-10 thùy chia, thùy chia hình tam giác, thùy chia có 5-10 răng, gai, nhẵn trong màu nâu tím, hình trứng ngược. Ống chỉ dài 2-4 cm, nhẵn. Bầu hình trứng, 2-6 cm, có lông cứng màu tím nâu, đỉnh có 5-10 lá, 0,2-0,3 cm, đen, nhẵn, hình bầu dục hình cầu, nhẵn, có 0,1-0,2 cm.

Uses:
Fruit make balm. Root treat pimples, gonorrhoea, urinary gravel. Leave treat edema, constipation.

13 Useful Flowering Plants in Vietnam



베트남 주요 유용식물